

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,1 ha) phục vụ thi công dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3705/STNMT-CCBVM ngày 15/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất tại mỏ QN03 (2,1 ha), Phường Bùi Thị Xuân phục vụ thi công dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,1 ha) phục vụ thi công dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn tại mỏ đất QN03 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2090/BQLDA-DA1 ngày 29/12/2022 của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 73/TTr-STNMT ngày 18/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,1 ha) phục vụ thi công dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (Sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh

Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

[Handwritten signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Nguyễn Tuấn Thanh

- Công trình bảo vệ môi trường: 03 hố giảm tốc (phía Tây Bắc, Tây và Đông mở), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 271 m.

- Khu vực phụ trợ phía Đông (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.500 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa đất tạm diện tích khoảng 200 m².

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 2,1 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,64 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 2.383 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 2,1 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 04 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 12 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác

đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 505 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có chiều dài khoảng 271 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Tây Bắc mỏ (tọa độ 1.518.324; 599.198), thể tích khoảng 132 m³ (diện tích 44 m², sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 2 phía Tây mỏ (tọa độ 1.518.251; 599.116), thể tích khoảng 132 m³ (diện tích 44 m², sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 3 phía Đông mỏ (tọa độ 1.518.283; 599.253), thể tích khoảng 30 m³ (diện tích 10 m², sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Bắc và Đông Bắc mỏ → mương thu gom phía Tây Bắc và Đông Bắc dài khoảng 236 m → hồ giảm tốc số 01 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước hiện trạng phía Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây mỏ → mương thu gom phía Tây dài khoảng 112 m → hồ giảm tốc số 02 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước hiện trạng phía Tây mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Nam mỏ → mương thu gom phía Đông Nam dài khoảng 157 m → hồ giảm tốc số 03 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → hồ giảm tốc số 01 → mương thoát nước hiện trạng phía Bắc mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu vực mỏ.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	6 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	1.890 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	1.506 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
4.	Tháo dỡ công thoát nước	13,05 tấn		
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	34 m ²		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	2,1 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
7.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	2,1 ha	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm
8.	Cải tạo tuyến đường đất hiện trạng	373 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc Dự án.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **263.626.000 đồng**
(Hai trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 65.907.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 197.719.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dèng khu vực phía Nam mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại ngã ba đường bê tông Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân kết nối Quốc lộ 1A; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.